



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 64 /QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

Tên chương trình : Thương mại điện tử
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Thương mại điện tử
Mã ngành : 7340122
Loại hình đào tạo: Chính quy

Hà Nội, 2025

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

CTĐT ngành Thương mại điện tử được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Thương mại điện tử được kế thừa từ chương trình đào tạo ngành thương mại điện tử ban hành 2022 và được bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới như triết lý giáo dục, sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo, tăng mức chuẩn đầu ra, tăng cường các học phần công nghệ thông tin như an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo... để đáp ứng với yêu cầu mới của thị trường lao động có liên quan đến quản trị kinh doanh trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

1.2. Thông tin chung

- + Tên tiếng Việt: Thương mại điện tử
- + Tên tiếng Anh: E-commerce
- Mã ngành: 7340122
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian: 4 năm
- Tên bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Thương mại điện tử
- + Tiếng Anh: Bachelor of e-commerce
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa kinh tế - Trường ĐH Đông Đô
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
 - a. Đối tượng tuyển sinh (chuẩn đầu vào):
 - Tổ hợp xét tuyển học sinh tốt nghiệp lớp 12:

Phương thức 100, 200, 402

Các tổ hợp xét tuyển:

- A00: Toán, Vật Lý, Hoá Học
- A01: Toán, Vật Lý, Tiếng Anh
- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa Lý
- D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

Các phương án tuyển sinh mới sẽ được Trường Đại học Đông Đô cập nhật hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Điều kiện tốt nghiệp:

- + Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên;
- + Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- + Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên
- + Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng
- + Có chứng chỉ giáo dục thể chất
- + Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

2. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu của Ngành Thương mại điện tử thuộc Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Đông Đô là đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp tiếp cận với trình độ của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới; Sinh viên và học viên được chuẩn bị kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng thực hành cơ bản để tự học tập, làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề Thương mại điện tử trong môi trường quốc tế; sử dụng thông thạo tin học văn phòng và ngoại ngữ

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; phân tích và đánh giá các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; vận dụng những kiến thức cơ bản về và những tri thức về Thương mại điện tử, những tri thức về nghiệp vụ và công nghệ thông tin ứng dụng trong thương mại điện tử... theo các chuyên ngành đào tạo.

PO2: Về kiến thức cơ sở ngành: hiểu, triển khai thành thạo những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội của đất nước, những tri thức về quản trị học, những tri thức về quản trị doanh nghiệp, những tri thức về quản trị nguồn nhân lực, quản trị Marketing, chuỗi cung ứng toàn cầu, công nghệ thông tin về mạng xã hội, cơ sở dữ liệu, hành vi người tiêu dùng... Về kiến thức chuyên ngành: Hiểu được nội dung kiến thức chuyên ngành Thương mại điện tử bao gồm các khối kiến thức về hệ thống marketing, an ninh mạng, phát triển website, thanh toán trực tuyến, quản trị kênh phân phối...

PO3: Kỹ năng vận dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về để hoạch định các chiến lược kinh trực tuyến; hoạch định các nguồn lực doanh nghiệp; hoạch định các chính sách quản trị Marketing; hoạch định các chính sách tín dụng ngân hàng trực tuyến; thiết kế các hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu; thực hiện các nghiệp vụ quản trị tác nghiệp các kho dữ liệu Olap, Rrancel, quan trị các dự án công nghệ thôngtin...

PO4: Kỹ năng tổ chức: Thể hiện được kỹ năng tổ chức, thiết kế các hoạt động sản xuất kinh doanh trực tuyến; khởi sự doanh nghiệp mới; thực hiện các nghiệp vụ quản trị tác nghiệp trong thương mại và ngân hàng điện tử.

PO5: Kỹ năng khai thác sử dụng thành thạo nghiệp vụ quản trị tác nghiệp để phát huy khả năng quản trị các kênh phân phối, khai thác các cơ sở dữ liệu không gian, hoạch định các chiến lược kinh doanh, hệ thống thông tin kế toán, kỹ năng nghề nghiệp...

PO6: Thể hiện được năng lực tự chủ và ý thức tự chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện việc tự đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn theo năng lực cá nhân; tự học để nâng cao trình độ về những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến ngành Thương mại điện tử...

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh sinh viên đạt các mức năng lực sau:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	
PLO1 (K)	Triển khai áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của nội dung các học phần lý luận chính trị còn lại, từ đó hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo	K3/5
PLO2 (K)	Vận hành tốt công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT vào trong học tập, công tác và các lĩnh vực của cuộc sống vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành đào tạo.	K3/5
1.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	
PLO3 (K)	Thực hiện tốt phương pháp học tập bậc đại học nói chung, phân biệt nó với các phương pháp học tập ở các cấp học trước; cung cấp kiến thức về phương pháp giảng dạy học tập và ứng dụng được kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu Thương mại điện tử. Hiểu được kiến thức và kỹ năng hoạch định các chiến lược kinh doanh, các kế hoạch kinh doanh, các kênh phân phối hàng hóa...	K3/5
PLO4	Triển khai, diễn giải về hệ thống kiến thức như: kiến thức về kho cơ sở dữ liệu, thông tin kế toán, hệ thống tiếp thị, thanh toán trực tuyến, an toàn bảo mật thông tin, quản lý dự án...	K3/5
1.3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
PLO5 (K)	Phân tích, tổng hợp, triển khai tốt các hoạt động thực tiễn liên quan đến kiến thức về chính sách pháp luật kinh tế của nhà nước.gồm: Quản trị học, quản trị chiến lược,quản trị nhân lực,	K4/5

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
	quản trị tài chính, quản trị chất lượng, quản trị logistics kinh doanh, quản trị dịch vụ, Quản trị sản xuất, quản trị rủi ro, quản trị dự án, quản trị bán hàng, văn hoá kinh doanh... Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm tại bộ phận, doanh nghiệp.	
PLO 6 (K)	Phân tích, đánh giá, vận dụng được những kiến thức chuyên ngành trong quản trị cung ứng hàng hóa và dịch vụ thương mại thuộc chức năng, quá trình quản trị kinh doanh khác (Marketing, logistic kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chất lượng...) ở các doanh nghiệp; Các bộ phận R&D liên quan đến các vấn đề quản trị doanh nghiệp ở các tổ chức kinh tế, tổ chức phi lợi nhuận, các viện nghiên cứu, các trường trung học nghề, cao đẳng, đại học; các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.	K4/5
2	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO7 (S)	Sử dụng thành thạo kiến thức quản trị kinh doanh ở các doanh nghiệp thương mại thuộc tất cả các ngành và thành phần kinh tế; làm việc phù hợp với tư cách là cán bộ chuyên môn ở các doanh nghiệp có hệ thống thương mại phức tạp hoặc cán bộ quản trị kinh doanh ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động như: Quản trị chiến lược, chính sách kế hoạch kinh doanh; Quản trị dự án; Quản trị hệ thống thông tin; Quản trị hoạt động tác nghiệp kinh doanh của quản trị doanh nghiệp; có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận thuộc chức năng và quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính...) ở các doanh nghiệp; các cơ quan đào tạo và nghiên cứu với vai trò là người thực hiện trực tiếp hay người điều hành – quản lý.	S3 /5
PLO8 (S)	Sử dụng thành thạo kiến thức công nghệ thông tin, đặc biệt là các phần Có khả năng tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, gắn liền với quá trình học tập suốt đời; có khả năng học các chương trình đại học khác để nhận bằng đại học thứ hai, đặc biệt là ở các ngành thuộc khối kinh tế, quản lý và kinh doanh; có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành kinh doanh thương mại và quản trị kinh doanh.	S3 /5
2.2	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử	
PLO 9 (S)	Chủ động phối hợp, trong nghiên cứu làm việc độc lập và làm việc nhóm; giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục, đặc biệt trong môi trường kinh doanh đa văn hóa; năng lực tư duy tích cực, hệ thống và sáng tạo. Thích nghi tốt với các vị trí công tác: chuyên viên	S4/5

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	Trình độ năng lực
	hoặc phụ trách bộ phận tại các phòng ban chức năng của doanh nghiệp như phòng Marketing, phòng Nhân sự, Phòng Kế hoạch kinh doanh, Phòng kế toán tài chính, Phòng Quản lý dự án... của các DN trong và ngoài nước thuộc mọi lĩnh vực, ngành nghề (sản xuất, dịch vụ, thương mại, ngân hàng, tổ chức tài chính...); Quản trị viên tập sự tại các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia và có cơ hội phát triển lên các vị trí quản lý liên quan hoặc các chuyên gia về quản trị kinh doanh và kinh doanh quốc tế làm việc tại các tổ chức quốc tế.	
PLO10	Sử dụng thành thạo vận hành ở mức cao nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô; Phân tích các cách thức ra quyết định trong doanh nghiệp; nguyên tắc kế toán và hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp; Giải thích các vấn đề về tổ chức và quản lý, chiến lược, nhân sự; tài chính-kế toán, kiểm toán, tác nghiệp và thương mại điện tử; ứng dụng lý thuyết, mô hình, công cụ, quy định pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế.	S4 /5
3	Thái độ/ Năng lực tự chủ và tự trách nhiệm	
PLO11 (A)	Phản ứng tích cực đối với sự thay đổi của môi trường kinh doanh trực tuyến; tích cực, tự tin đối với nghề nghiệp chuyên môn, có tác phong chuyên nghiệp; có ý thức trách nhiệm đối với bản thân, trách nhiệm đối với xã hội, trong đó tôn trọng sự bình đẳng và sự khác biệt; tuân thủ đạo đức trong kinh doanh – cơ sở để phát triển nghề nghiệp của bản thân	A3 /4
PLO12 (A)	Xây dựng được chiến lược, kế hoạch tác nghiệp tại các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp; ứng dụng được công nghệ thông tin để phân tích dữ liệu và xử lý các tình huống trong doanh nghiệp để tác nghiệp, vận hành và ra quyết định trong kinh doanh.	A3 /4

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Thương mại điện tử có khả năng làm việc ở các doanh nghiệp thương mại thuộc tất cả các ngành và thành phần kinh tế.

Làm việc phù hợp với tư cách là cán bộ chuyên môn ở các doanh nghiệp có hệ thống thương mại phức tạp hoặc cán bộ quản trị kinh doanh ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các bộ phận có liên quan đến hoạt động như: Quản trị chiến lược, chính sách kế hoạch kinh doanh; Quản trị dự án; Quản trị hệ thống thông tin; Quản trị hoạt động tác nghiệp kinh doanh của quản trị doanh nghiệp.

Có khả năng tự nghiên cứu chuyển đổi nhanh để làm việc được ở các bộ phận

thuộc chức năng và quá trình quản trị kinh doanh khác (quản trị nhân lực, quản trị tác nghiệp, quản trị tài chính...) ở các doanh nghiệp; các cơ quan đào tạo và nghiên cứu ... với vai trò là người thực hiện trực tiếp hay người điều hành – quản lý.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Các khối kiến thức	Số TC
Khối kiến thức giáo dục đại cương	32
Khối kiến thức cơ sở ngành	29
Khối kiến thức chuyên ngành	52
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng	123

* Chưa tính 12 TC GDTC và GDQP an ninh

6. DANH SÁCH HỌC PHẦN

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			28		
1	7GDC001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	7GDC002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	2	1
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	2	1
8	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3	3	2	1
9	7GDC027	Kỹ năng mềm	2	1	1
10	7TMD001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	2	1.5	0.5
11	7GDC038	Luật kinh tế	2	2	0
12	7GDC024	Kinh tế vi mô	2	2	0
6.2.2. Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn			4/8		
13	7GDC025	Kinh tế vĩ mô	2	1.5	0.5
14	7TMD002	Toán dành cho kinh tế và quản trị	2	1.5	0.5
15	7QKD008	Nguyên lý kế toán	2	1.5	0.5
16	7QKD023	Khởi nghiệp kinh doanh	2	1.5	0.5
6.3. Giáo dục thể chất/ an ninh, quốc phòng					
	7GAQ001	Giáo dục QPAN	8		
	7GTC002	Giáo dục thể chất	4		
6.4. Khối kiến thức cơ sở ngành			29		
6.4.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			25		
17	7TMD003	Dịch vụ mạng Internet	2	1.5	0.5

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
18	7TMD004	Cơ sở dữ liệu	2	1.5	0.5
19	7TMD005	Cơ sở lập trình	2	1.5	0.5
20	7TMD006	Thương mại điện tử	3	2	1
21	7QKD021	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	2	1
22	7QKD002	Quản trị học	3	2	1
23	7QKD037	Quản trị quan hệ khách hàng	2	1.5	0.5
24	7QKD011	Quảng trị nhân lực	2	1.5	0.5
25	7GDC037	Marketing căn bản	2	1.5	0.5
26	7QKD034	Hành vi người tiêu dùng	2	1.5	0.5
27	7TMD034	Mạng xã hội	2	1.5	0.5
6.4.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			4/8		
28	7GDC039	Quản trị doanh nghiệp	2	1.5	0.5
29	7TMD007	Marketing thương mại điện tử (kỹ thuật số)	2	1.5	0.5
30	7TMD008	Khoa học dữ liệu	2	1.5	0.5
31	7TMD009	Hệ thống thông tin quản lý	2	1.5	0.5
6.5. Kiến thức chuyên ngành			62		
6.5.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			48		
32	7TMD010	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	3	
33	7TMD011	Kho dữ liệu và OLAP	3	3	1
34	7TMD012	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	4	3	1
35	7TMD013	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý	4	3	1
36	7TMD014	Hệ thống thông tin kế toán	4	3	1
37	7TMD015	Hệ cơ sở dữ liệu không gian	4	3	1
38	7TMD016	Khai thác dữ	4	3	1
39	7TMD017	Dữ liệu lớn	4	3	1
40	7TMD018	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	4	3	1
41	7TMD019	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	3	2	1
42	7TMD020	Hệ thống thanh toán trực tuyến	3	2	1
43	7TMD021	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	3	2	1
44	7TMD022	Phát triển ứng dụng website	4	3	1
6.5.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			4/8		
45	7TMD024	Quản trị chiến lược thương mại điện tử	2	1.5	0.5
46	7TMD025	Kỹ năng nghề nghiệp	2	1.5	0.5
47	7TMD026	Quản trị kênh phân phối	2	1.5	0.5
48	7TMD027	Quản trị bán hàng	2	1.5	0.5

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ	
				Lý thuyết/ thảo luận	Thực hành/thí nghiệm
6.5.3. Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận TN			10		
49	7TMD028	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
50	7TMD029	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6
Học thay thế KL TN			6		
51	7TMD030	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	3	2	1
52	7TMD031	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1
53	7TMD032	Thương mại và ngân hàng điện tử	3	2	1
54	7TMD033	Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	2	1
		Tổng	123		

Đào

